

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
ĐỀ MINH HỌA NĂM 2025
Môn thi: ĐỊA LÍ
(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan. B. Trung Quốc. C. Ma-lai-xi-a. D. Mi-an-ma.

Câu 2: Ở nước ta, bão thường kèm theo

- A. mưa lớn, gió mạnh. B. cát bay, cát chảy.
C. đất nhiễm mặn, nhiễm phèn. D. động đất, sóng thần.

Câu 3: Thành phố nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

- A. Hạ Long. B. Hà Nội. C. Biên Hòa. D. Đà Nẵng.

Câu 4: Nguồn lao động ở nước ta hiện nay không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lao động chiếm trên 50% dân số. B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.
C. Có khả năng hội nhập với quốc tế. D. Ít kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

Câu 5: Vật nuôi cung cấp sản lượng thịt lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. lợn. B. gia cầm. C. trâu. D. bò.

Câu 6: Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Sơn La. B. Hòa Bình. C. Thác Bà. D. Trị An.

Câu 7: Loại hình vận tải có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay là

- A. đường bộ. B. đường hàng không. C. đường biển. D. đường sắt.

Câu 8: Văn hóa sông nước miệt vườn là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 9: Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

- A. Khai thác và chế biến khoáng sản. B. Phát triển chăn nuôi gia súc lớn.
C. Trồng cây công nghiệp, rau quả. D. Phát triển năng lượng điện khí.

Câu 10: Hiện nay, huyện đảo nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lý Sơn. B. Cô Tô. C. Cồn Cỏ. D. Côn Đảo.

Câu 11: Duyên hải Nam Trung Bộ có nguồn lợi hải sản phong phú nhờ điều kiện nào sau đây?

- A. Vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi. B. Biển có nhiều vịnh sâu, kín gió.
C. Đường bờ biển dài và nhiều đảo. D. Diện tích nước lợ, nước mặn lớn.

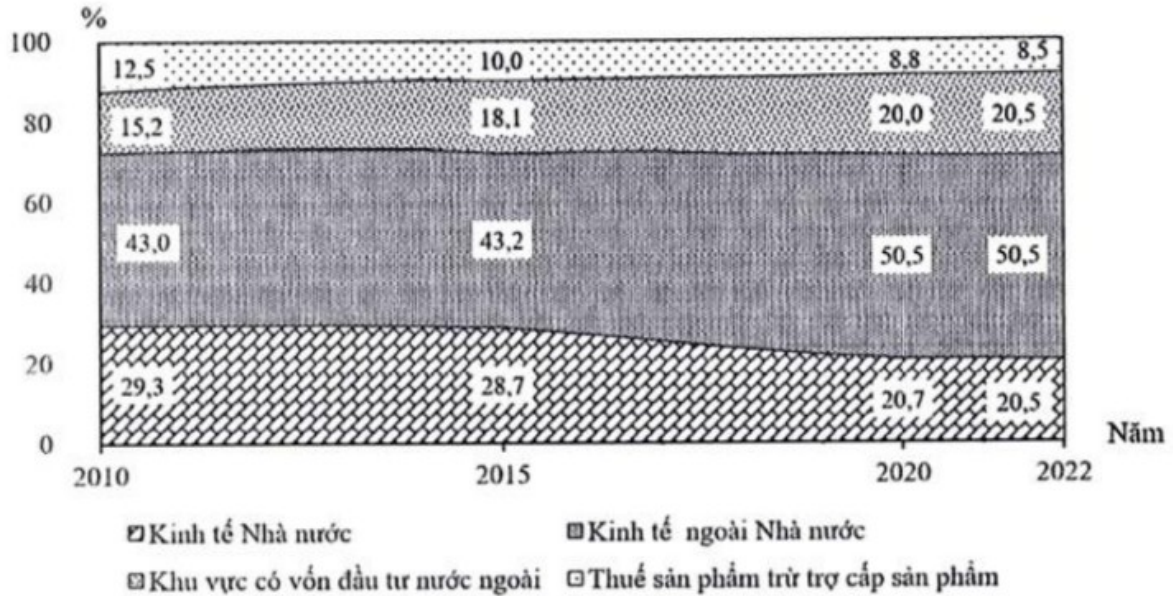
Câu 12: Hiện nay, Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về

- A. khai thác dầu thô. B. nuôi trồng thủy sản.
C. trồng cây lương thực. D. phát triển thủy điện.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta giàu phù sa?

- A. Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi.
- B. Đất feralit có tầng phong hóa dày.
- C. Vùng đồi núi có diện tích rộng lớn.
- D. Phong hóa hóa học ở vùng đồi núi.

Câu 14: Cho biểu đồ sau:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước có tỉ trọng tăng.
- B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế Nhà nước có tỉ trọng giảm.
- C. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng 5,3% giai đoạn 2010-2022.
- D. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2010 - 2022.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng với ngoại thương ở nước ta hiện nay?

- A. Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu ngày càng giảm.
- B. Mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng phát triển.
- C. Thị trường mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa.
- D. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng.

Câu 16: Thế mạnh tự nhiên để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng ở Bắc Trung Bộ là

- A. có nhiều nhóm đất khác nhau, khí hậu phân hóa.
- B. nền nhiệt, ẩm cao, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa trung bình năm lớn.
- D. nguồn nước dồi dào, tài nguyên sinh vật đa dạng.

Câu 17: Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta có ảnh hưởng nào sau đây đến phát triển kinh tế?

- A. Tạo nên sự đa dạng về các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. Là cơ sở phân vùng kinh tế với các sản phẩm đặc trưng.
- C. Cho phép sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ở các vùng.
- D. Giảm tính liên kết trong phát triển kinh tế giữa các vùng.

Câu 18: Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh các giống lúa cao sản, chất lượng cao nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Giải quyết việc làm, tạo sinh kế bền vững cho người dân.
- B. Phát huy kinh nghiệm sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái.
- C. Thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- D. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, chủ động phòng chống thiên tai.

PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho thông tin sau, trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai: *Địa hình của miền chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng, có nhiều dãy núi hướng vòng cung. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Ngoài ra, ở vùng núi cao có sự xuất hiện của các loài sinh vật cận nhiệt và ôn đới.*

- a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- b) Trong miền, thành phần loài sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế với các kiểu rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, rừng trên núi đá vôi.
- c) Thực vật chính của miền là các cây họ dầu, săng lẻ, téch,... Ở những nơi có mùa khô sâu sắc, kéo dài xuất hiện cây chịu hạn, rụng lá.
- d) Mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta chủ yếu do các dãy núi chạy theo hướng vòng cung.

Câu 2: Cho thông tin sau, trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai: *Ngành dịch vụ có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất và đời sống. Sự phát triển dịch vụ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển ngành dịch vụ như: vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, trình độ phát triển kinh tế, dân cư và nguồn lao động, chính sách phát triển kinh tế, thị trường, lịch sử, văn hóa,...*

- a) Ngành dịch vụ đóng góp cao nhất trong cơ cấu GDP nước ta, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- b) Trình độ phát triển kinh tế, chính sách phát triển kinh tế tác động đến quy mô và cơ cấu dịch vụ.
- c) Vị trí địa lý, các điều kiện tự nhiên là điều kiện quan trọng để đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu trong phát triển dịch vụ.
- d) Điều kiện về lịch sử, văn hóa là cơ sở chủ yếu để thúc đẩy phân công lao động dịch vụ theo lãnh thổ.

Câu 3: Cho thông tin sau, trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai: *Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.*

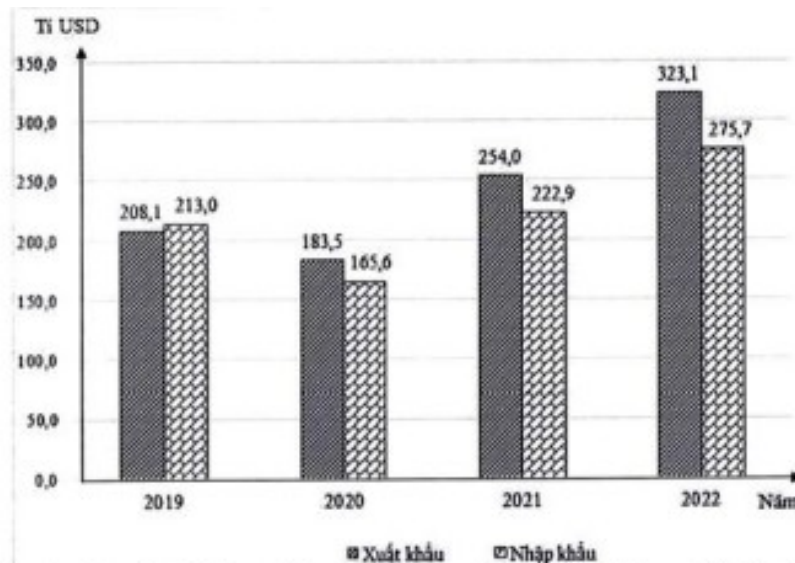
- a) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.

b) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

c) Giải pháp góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng là đẩy mạnh trồng rừng, chủ động hội nhập quốc tế, trao đổi thông tin, huy động các nguồn lực để giảm thiểu phát thải nhà kính.

d) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.

Câu 4: Cho biểu đồ, trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:



Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2019 – 2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

a) Năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá cao nhất.

b) Từ năm 2019 đến năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu.

c) Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a có biến động trong giai đoạn 2019 - 2022.

d) Năm 2022 so với năm 2019, trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Nha Trang

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,1	25,3	26,8	27,1	28,7	29,4	28,9	28,6	28,4	26,8	26,7	24,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Nha Trang là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Mức nước một số sông chính ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mức nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Mã (trạm Cẩm Thủy)	1798	1120
Sông Cả (trạm Dừa)	2277	1327

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Cả tại trạm Dừa cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Mã tại trạm Cẩm Thủy là bao nhiêu cm.

Câu 3: Năm 2022, nước ta có tỉ suất sinh thô là 15,2%, tỉ suất chết thô là 6,1%. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 4: Năm 2022, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 731,5 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu là 371,7 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5: Năm 2022, sản lượng lương thực có hạt của nước ta là 47,1 triệu tấn, số dân là 99,5 triệu người. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Tổng diện tích có rừng, diện tích rừng trồng ở Tây Nguyên năm 2015 và năm 2022

(Đơn vị: nghìn ha)

Tiêu chí \ Năm	2015	2022
Tổng diện tích có rừng	2561,9	2571,1
Diện tích rừng trồng	315,9	480,3

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016, 2022; Nxb Thống kê 2017, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng ở Tây Nguyên năm 2022 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

1.B	2.A	3.B	4.D	5.A	6.A	7.A	8.A	9.D	10.B
11.A	12.A	13.A	14.D	15.C	16.A	17.B	18.C		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với Trung Quốc. (Phần đất liền của nước ta tiếp giáp với 3 quốc gia: Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia)

Chọn B.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Ở nước ta, bão thường kèm theo mưa lớn, gió mạnh.

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Đô thị hóa.

Cách giải:

Hà Nội là thành phố thuộc loại đô thị đặc biệt.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Dân số, lao động và việc làm.

Cách giải:

Nguồn lao động của nước ta hiện nay không có đặc điểm: ít kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp. Nước ta là một quốc gia có xuất phát điểm là một nước nông nghiệp => Người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Cách giải:

Vật nuôi cung cấp sản lượng thịt lớn nhất ở nước ta hiện nay là lợn.

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Một số ngành công nghiệp.

Cách giải:

Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta là nhà máy thủy điện Sơn La (2 400 MW), đây cũng là nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Đông Nam Á.

Chọn A.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

Cách giải:

Loại hình vận tải có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay là đường bộ. **Chọn A.**

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Thương mại và du lịch

Cách giải:

Văn hóa sông nước miệt vườn là sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn A.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh kinh tế về phát triển năng lượng điện khí. Điện khí hay còn được gọi là điện được sản xuất từ khí tự nhiên, đây là thế mạnh kinh tế của vùng Đông Nam Bộ.

Chọn D.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Cô Tô là huyện đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh, thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

Chọn B.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

- Gạch chân từ khóa: nguồn lợi hải sản phong phú.

=> Duyên hải Nam Trung Bộ có nguồn lợi hải sản phong phú nhờ điều kiện vùng biển rộng, khí hậu thuận lợi.

- B sai vì đây là điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng biển.

- C sai vì đường bờ biển dài, nhiều đảo sẽ là một trong các điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông đường biển, hải sản và du lịch nói chung => đáp án này chưa rõ ý đúng.

- D sai vì đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nuôi trồng hải sản nước lợ, nước mặn.

Chọn A.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Hiện nay, Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về khai thác dầu thô vì đây là vùng có tài nguyên dầu khí lớn nhất cả nước.

Chọn A.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta giàu phù sa là xâm thực mạnh ở vùng đồi núi. Đây là yếu tố quan trọng nhất, khi mưa lớn, nước mưa sẽ cuốn trôi lớp đất mặt và các vật liệu vụn trên bề mặt đất, đặc biệt là ở những vùng đồi núi có độ dốc lớn. Các vật liệu này được dòng nước vận chuyển và bồi tụ xuống sông, tạo nên lượng phù sa lớn.

Chọn A.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Nhận xét biểu đồ.

Cách giải:

Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2010 – 2022 là nhận xét đúng vì trong giai đoạn 2010 – 2022, tỉ trọng các thành phần kinh tế thay đổi như sau:

- Kinh tế Nhà nước: giảm 8,8%.
- Kinh tế ngoài Nhà nước: tăng 7,5%.
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: tăng 5,3%.

Chọn D.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Thương mại và du lịch.

Cách giải:

- Thị trường mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa là phát biểu đúng với ngoại thương ở nước ta hiện nay.
- A sai vì tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta ngày càng tăng do sản xuất phát triển. - B, D sai vì đây là các biểu hiện của ngành nội thương nước ta hiện nay.

Chọn C.

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh tự nhiên để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng ở Bắc Trung Bộ là có nhiều nhóm đất khác nhau, khí hậu phân hóa.

Lưu ý: khí hậu phân hóa đa dạng là điều kiện quyết định và thuận lợi nhất để đa dạng hóa cây trồng ở bất kì một khu vực/vùng nào.

Chọn A.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.

Cách giải:

- Gạch chân từ khóa: phát triển kinh tế.

=> Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta là cơ sở phân vùng kinh tế với các sản phẩm đặc trưng. Sự khác biệt về điều kiện tự nhiên giữa các vùng đã tạo nên những đặc trưng riêng về sản xuất nông nghiệp. Ví dụ, vùng Đông Nam Bộ là vùng trồng cây công nghiệp lớn nhất cả nước, vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước...

=> Mỗi vùng có những sản phẩm đặc trưng.

- A sai vì tài nguyên thiên nhiên thuộc về tự nhiên, không phải kinh tế.

- C sai vì sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên không quyết định đến sản xuất nông nghiệp quy mô lớn hay quy mô nhỏ.

- D sai vì sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên tạo ra sự khác biệt về sản phẩm giữa các vùng. Mỗi vùng lại đều có nhu cầu sử dụng các sản phẩm khác nhau => Từ đó, thúc đẩy sự liên kết trong phát triển kinh tế giữa các vùng.

Chọn B.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh các giống lúa cao sản, chất lượng cao nhằm mục đích chủ yếu thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu thị trường vì:

- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của biến đổi khí hậu với các hiện tượng như xâm nhập mặn, hạn hán, lũ lụt ngày càng gia tăng. Việc phát triển các giống lúa cao sản, chất lượng cao giúp cây lúa có khả năng chịu hạn, chịu mặn tốt hơn, tăng năng suất và ổn định sản xuất trong điều kiện khí hậu có nhiều sự biến động.

- Thị trường trong và ngoài nước ngày càng đòi hỏi những loại gạo có chất lượng cao. Việc phát triển các giống lúa mới giúp nâng cao chất lượng gạo Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của thị trường và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Chọn C.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	1	2	3	4
-----	---	---	---	---

Đáp án	SĐSS	ĐĐSS	ĐSSĐ	ĐSĐS
---------------	------	------	------	------

Câu 1 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và kết hợp với kiến thức phần Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.

Cách giải:

- a) Sai vì *Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và kéo dài nhất nước ta* là đặc điểm của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ => Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ
- b) Đúng vì miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa => rừng nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế, miền có nhiều vùng núi đá vôi => rừng trên núi đá vôi chiếm ưu thế.
- c) Sai vì miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ không có mùa khô sâu sắc.
- d) Sai vì miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông lạnh nhất cả nước do sự kết hợp của gió mùa Đông Bắc và các dãy núi chạy theo hướng vòng cung.

Câu 2 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và kết hợp với kiến thức phần Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

Cách giải:

- a) Đúng vì trong cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta, ngành dịch vụ chiếm 41,2% (năm 2021).
- b) Đúng vì trình độ phát triển kinh tế tác động đến quy mô (kinh tế phát triển => nhu cầu dịch vụ tăng => mở rộng quy mô và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ); chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước tác động đến cơ cấu dịch vụ.
- c) Sai vì vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ. Để đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu, ngành dịch vụ còn cần đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, công nghệ, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng,...
- d) Sai vì điều kiện về lịch sử, văn hóa không phải là cơ sở chủ yếu để thúc đẩy phân công lao động dịch vụ theo lãnh thổ.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và kết hợp với kiến thức phần Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

- a) Đúng, đó đều là đặc điểm của Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Sai vì chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Sai vì đẩy mạnh trồng rừng, chủ động hội nhập quốc tế, trao đổi thông tin, huy động các nguồn lực để giảm thiểu phát thải nhà kính là các giải pháp góp phần làm giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

d) Đúng vì đó đều là các giải pháp đề ứng phó với biến đổi khí hậu.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và nhận xét.

Cách giải:

a) Đúng vì dựa vào công thức sau:

Cán cân thương mại = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu.

=> Cán cân thương mại của In-đô-nê-xi-a năm 2019, 2020, 2021 và 2022 lần lượt là: - 4,9 tỉ USD, 17,9 tỉ USD, 31,1 tỉ USD và 47,4 tỉ USD.

=> Năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá cao nhất.

b) Sai vì dựa vào phần giải thích câu a thì năm 2019, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại nhập siêu.

c) Đúng vì trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a có biến động (tăng, giảm không ổn định) trong giai đoạn 2019 - 2022.

d) Sai vì trong giai đoạn 2019 – 2022, trị giá xuất khẩu tăng 1,6 lần, trị giá nhập khẩu tăng 1,3 lần.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	27,2	272	0,91	49,2	473	6,4

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính nhiệt độ trung bình năm.

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Nha Trang là:

$(25,1 + 25,3 + \dots + 24,8)/12 = 27,2^{\circ}\text{C}$

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Cả tại trạm Dừa là:

$$2277 - 1798 = 479 \text{ cm}$$

Sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Mã tại trạm Cẩm Thủy là:

$$1327 - 1120 = 207 \text{ cm}$$

=> Năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Cả tại trạm Dừa cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Mã tại trạm Cẩm Thủy là: $479 - 207 = 272 \text{ cm}$.

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên.

$$\text{Tỉ lệ gia tăng tự nhiên} = (\text{Tỉ suất sinh thô} - \text{Tỉ suất tử thô})/10$$

Cách giải:

Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nước ta là: $(15,2 - 6,1)/10 = 0,91\%$

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Giá trị tổng})*100$$

Cách giải:

- Tỉ trọng trị giá xuất khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là: $(371,7/731,5)*100 = 50,8\%$

=> Tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là: $100 - 50,8 = 49,2\%$.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính sản lượng lương thực bình quân đầu người.

$$\text{Sản lượng lương thực bình quân đầu người} = \text{Sản lượng lương thực}/\text{Số dân}$$

Cách giải:

Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là:

$$47,1/99,5 = 0,473 \text{ tấn/người} = 473 \text{ kg/người}$$

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Giá trị tổng})*100$$

Cách giải:

- Tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng ở Tây Nguyên năm 2015 là: $(315,9/2561,9)*100 = 12,3\%$

- Tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng ở Tây Nguyên năm 2022 là: $(480,3/2571,1)*100 = 18,7\%$

=> Tỉ lệ diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng ở Tây Nguyên năm 2022 so với năm 2015 tăng thêm: $18,7\% - 12,3\% = 6,4\%$